

Số: 367 /KH-UBND

Hung Yên, ngày 26 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 20/7/2026 của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030 về thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Chương trình số 306/CTr-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2035.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 908/TTr-SNNMT ngày 08/9/2029;

Căn cứ cuộc họp giao ban lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 24/9/2026 đã thống nhất nội dung trên; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả, đúng mục tiêu đề ra.

- Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong việc thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 làm cơ sở để các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong xây dựng nông thôn mới; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; tạo động lực thúc đẩy phát triển khu vực nông thôn theo hướng hiện đại, đồng bộ gắn với quá trình đô thị hóa; góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân đảm bảo phát triển hài hòa, bền vững giữa khu vực nông thôn và đô thị.

2. Yêu cầu

- Xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; đảm bảo các tiêu chí đạt chuẩn thực chất, bền vững, phản ánh đúng kết quả phát triển kinh tế - xã hội và chất lượng đời sống của người dân.

- Xây dựng nông thôn mới phải lấy người dân làm trung tâm, chủ thể và là đối tượng thụ hưởng; phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của người dân trong quá trình tổ chức thực hiện; thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng”.

- Xây dựng nông thôn mới gắn với quá trình hiện đại hóa trong sản xuất nông nghiệp, đô thị hóa nông thôn; bảo đảm tính kết nối giữa khu vực nông thôn với đô thị, phát triển hài hòa kinh tế, xã hội và môi trường. Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; tăng cường phát triển dịch vụ thương mại nông thôn; phát huy tính chủ động sáng tạo của địa phương, sự vào cuộc của các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn.

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 trong phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý; đưa chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới vào chương trình công tác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 của đơn vị, địa phương quản lý.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên theo hướng hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững gắn với quá trình đô thị hóa và thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh; đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số và phát triển kinh tế nông thôn. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân khu vực nông thôn; thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa thành thị và nông thôn; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, đảm bảo môi trường, an ninh, trật tự khu vực nông thôn. Phát huy vai trò chủ thể của người dân, cộng đồng và các thành phần kinh tế

trong xây dựng nông thôn mới; góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030.

b) Mục tiêu cụ thể đến hết năm 2030

- Phần đầu đến hết năm 2030 toàn tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (theo chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030).

- Phần đầu hết năm 2030, toàn tỉnh có 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại (theo khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 của Trung ương và các tiêu chí cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành).

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2025.

- Tỉnh Hưng Yên hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo chuẩn quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

2. Nhiệm vụ chủ yếu giai đoạn 2026-2030

a) Rà soát quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã

- Rà soát, lập, phê duyệt quy hoạch chung của xã theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã, đảm bảo tính kết nối, đồng bộ với quy hoạch cấp tỉnh theo quy định và quy hoạch phát triển đô thị; khai thác tối ưu tiềm năng, lợi thế và không gian rộng mở, tạo điều kiện phát triển kinh tế nông thôn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Từng bước lập quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch phân khu nhằm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian và kiến trúc cảnh quan ở khu vực nông thôn; ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn hoặc tích hợp trong quy hoạch chung xã.

- Thực hiện xây dựng, quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên nền tảng công nghệ ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS hóa) để cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch đảm bảo khai thác, sử dụng thông tin theo quy định.

b) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại phù hợp với định hướng phát triển đô thị của tỉnh

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh, đảm bảo kết nối đồng bộ, thuận tiện, an toàn, đáp ứng nhu cầu đi lại, sản xuất, kinh doanh của người dân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng, nâng cấp hệ thống giao thông liên xã, liên thôn, các công trình cầu dân sinh theo hướng đồng bộ, hiện đại có vỉa hè, cây xanh, dải phân cách, hệ thống chiếu sáng và hệ thống thoát nước dọc tuyến đối với các trục giao thông chính; hoàn thiện hệ thống biển báo, cọc tiêu, vạch kẻ đường và các hạng mục đảm bảo an toàn giao thông phù hợp với định hướng phát triển đô thị. Đồng thời, ưu tiên đầu tư các công trình giao thông trọng điểm có tính kết nối vùng, kết nối với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh, thành phố lân cận; kết nối hiệu quả các khu công nghiệp, cảng sông, cảng biển, cảng cạn, bến thủy nội địa, trung tâm logistics, thương mại và các khu vực phát triển kinh tế trọng điểm của tỉnh tạo thuận lợi cho giao thương, vận chuyển hàng hóa và thu hút đầu tư.

- Phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp; đảm bảo cung cấp đủ nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, kịp thời tiêu thoát nước trong trường hợp xảy ra mưa lớn, hạn chế ảnh hưởng tới sản xuất và đời sống người dân. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi; áp dụng số hóa và tự động hóa hệ thống quản lý, vận hành các trạm bơm, công đầu mối; tách biệt rõ ràng hệ thống thủy lợi phục vụ nông nghiệp và hệ thống thoát nước thải dân sinh, công nghiệp để tránh ô nhiễm chéo.

- Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai tại xã, thiết lập hệ thống cảnh báo sớm; rà soát các phương án phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; khắc phục những sự cố, hư hỏng, những điểm dễ xảy ra sự cố, đặc biệt các đoạn tuyến đê, công trình diện với biển, nhằm đảm bảo an toàn vận hành các công trình, đáp ứng yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ phòng, chống lụt bão; chuẩn bị đầy đủ vật tư, thiết bị, nhân lực sẵn sàng cung cấp, ứng phó, xử lý giờ đầu các tình huống thiên tai. Kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã, xây dựng kế hoạch và triển khai tập huấn kỹ năng phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cho các lực lượng tại cơ sở để sẵn sàng ứng phó và xử lý hiệu quả các tình huống khẩn cấp, phát sinh theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn phục vụ dân sinh và sản xuất theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị điện đã xuống cấp ảnh hưởng đến quá trình truyền tải và dẫn điện của hệ thống; đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm điện của người dân, ưu tiên phát triển nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch (điện mặt trời, hệ thống dự trữ năng lượng, điện rác) hướng tới hạ tầng điện thông minh và phát triển bền vững.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá hiện trạng cơ sở hạ tầng các chợ trên địa bàn, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng thương mại nông thôn theo hướng đồng bộ, đa dạng; cải tạo, nâng cấp hệ thống chợ theo hướng hiện đại, bảo đảm an toàn thực phẩm và đáp ứng các yêu cầu đối với chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động thương mại; kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống và thương mại hiện đại. Khuyến khích phát triển dịch vụ logistics gắn với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung; tăng cường kết nối hạ tầng thương mại và liên kết vùng, nâng cao năng lực trung chuyển, phân phối hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông trên địa bàn nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh các dịch vụ viễn thông trên địa bàn hoạt động; phối hợp với các doanh nghiệp để bố trí các trạm thu, phát sóng, nâng cấp đường truyền, hạ tầng cáp quang đảm bảo cung cấp dịch vụ Internet được ổn định, thường xuyên với dung lượng cao.

- Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân, bao gồm: Đầu tư, xây dựng và cải tạo nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã, mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông đến với các thôn.

c) Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và thích ứng với thị trường

- Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiêu thụ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế xã hội; chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn tập trung ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp carbon thấp; khuyến khích thực hành sản xuất tốt (VietGAP, GlobalGAP), sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn từng bước hình thành chuỗi sản xuất khép kín thực hiện truy xuất nguồn gốc đáp ứng thị trường. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản; đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, đáp ứng thị trường tiêu dùng cao cấp của đô thị.

- Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn và bảo đảm an toàn dịch bệnh; đẩy mạnh xây dựng "cánh đồng lớn", hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, vùng nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản gắn với thực hiện các biện pháp khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU); phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị, chế biến sâu và tiêu thụ bền vững; ứng dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ, công nghệ cao, công nghệ số trong sản xuất, quản lý vùng trồng và xây dựng cơ sở dữ liệu vùng nguyên liệu; triển khai áp dụng mã số vùng trồng, mã số vùng nuôi đối với mọi loại cây trồng, vật nuôi.

- Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn; khuyến khích các hình thức liên kết, hợp tác của nông dân trong sản xuất, góp phần hình thành và phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp; tập trung, ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyên đổi số, liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp; thực hiện các chính sách thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là các doanh nghiệp lớn làm đầu tàu dẫn dắt trong toàn chuỗi giá trị theo định hướng thị trường.

- Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt¹ theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP xanh.

- Phát triển ngành nghề nông thôn gắn với liên kết chuỗi sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm; bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống theo hướng bền vững, phát huy giá trị văn hóa đặc trưng và nâng cao giá trị, thương hiệu sản phẩm làng nghề. Khuyến khích các cơ sở sản xuất ứng dụng

¹ Quyết định 26/2026/QĐ-TTg ngày 22/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm mỗi xã một sản phẩm

khoa học công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường tiêu thụ, từng bước đưa sản phẩm làng nghề tham gia sâu vào thị trường trong nước và quốc tế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, tập trung đầu tư, nâng cấp hạ tầng làng nghề phù hợp với quy mô sản xuất; xây dựng bản đồ số làng nghề gắn với phát triển du lịch văn hóa, kinh tế số và bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống. Hàng năm, tổ chức, tham gia các hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ, Festival làng nghề và các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm, thúc đẩy phát triển ngành nghề nông thôn.

- Phát triển du lịch nông thôn theo hướng cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp gắn với bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương. Tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình du lịch nông thôn đặc trưng, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong quảng bá, quản lý và phát triển sản phẩm du lịch; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng thương hiệu du lịch nông thôn gắn với sản phẩm OCOP, làng nghề truyền thống, du lịch xanh và trải nghiệm văn hóa - nông nghiệp; góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và sinh kế bền vững cho người dân tại các địa phương có điều kiện phát triển du lịch.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông lâm thủy sản tại thị trường trong nước và xuất khẩu; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, thu thập thông tin, dự báo thị trường, truy xuất nguồn gốc để tiếp cận thị trường trên không gian mạng; đa dạng hóa hệ thống phân phối và tiêu thụ sản phẩm theo hướng bền vững, kết hợp hiệu quả giữa các kênh phân phối truyền thống với thương mại điện tử và các nền tảng số. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại, truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng và từng bước đưa các sản phẩm nông sản của tỉnh tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử trong nước và quốc tế; tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với nhu cầu thị trường.

- Phát triển hệ thống sơ chế, chế biến nông sản theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung và chuỗi ngành hàng; ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật, kho bãi, kho lạnh, logistics, trung tâm sơ chế, sấy, chế biến, trung tâm cung ứng - thu mua nông sản tại các vùng nguyên liệu tập trung, vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh, đảm bảo đầu ra ổn định theo hướng liên kết chặt chẽ giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp; đẩy mạnh kiểm soát điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm ngay từ khâu sản xuất ban đầu, thu hoạch, sơ chế, chế biến đến lưu thông thị trường.

- Phát triển mạng lưới khuyến nông cộng đồng gắn với nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn; tăng cường vai trò của khuyến nông cơ sở trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp để giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương; gắn với ứng dụng

khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đảm bảo kết nối thị trường.

d) Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững

- Bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng, toàn diện và học tập suốt đời cho lao động nông thôn; duy trì, nâng cao phổ cập giáo dục, giáo dục hòa nhập; phát triển lớp học thông minh, mô hình học tập cộng đồng; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng học trực tuyến để mở rộng cơ hội học tập suốt đời; tăng cường liên kết cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, hợp tác xã và thị trường lao động để thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp cho lao động nông thôn.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp gắn với chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng lực quản trị, sản xuất, kinh doanh nông nghiệp và kỹ năng số để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao; đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tập trung sắp xếp tinh gọn, đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục thường xuyên công lập tham gia đào tạo nghề theo hướng hiện đại, chuẩn hóa và số hóa để đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề tại chỗ; phát triển giáo dục nghề nghiệp, đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc; đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh; hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn; tập trung, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

đ) Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế

- Triển khai thực hiện hiệu quả Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện các cấp giai đoạn 2025 - 2030. Tăng cường công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích; nâng cao chất lượng công tác sưu tầm, nghiên cứu, kiểm kê, phân loại di sản văn hóa phi vật thể; di sản tư liệu; phục hồi, bảo tồn và phát huy các loại hình di sản văn hóa, khai thác phục vụ phát triển du lịch của địa phương. Đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đảm bảo đạt chuẩn, ưu tiên đối với các xã, thôn chưa có đủ thiết chế văn hóa, thể thao; hỗ trợ trang thiết bị văn hóa, thể thao cho các nhà văn hóa, khu thể thao xã, thôn và các điểm sinh hoạt cộng đồng. Nâng cao chất lượng hoạt động và phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao nhằm phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị, hoạt động văn hóa, thể thao cơ sở. Phát triển hệ thống thư viện cấp xã và triển khai thư viện số, xây dựng tủ sách cộng đồng tại các thôn nhằm phục vụ nhu cầu học tập, tiếp cận thông tin của nhân dân.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả, thực chất việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư gắn với thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tăng

cường công tác quản lý nhà nước về gia đình gắn với triển khai hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Đây mạnh phát động các phong trào rèn luyện thể thao quần chúng gắn với thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục, thể thao quần chúng, góp phần nâng cao thể lực, tầm vóc cho nhân dân.

- Đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, chú trọng hơn nữa chất lượng giáo dục mầm non và tiểu học; khuyến khích hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy, học gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, đa dạng hóa các hình thức dạy và học; xây dựng cảnh quan các trường học, lớp học sạch sẽ, thoáng mát và bố trí khoa học các thiết bị học tập và khu vệ sinh để duy trì môi trường an toàn, thân thiện, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện, nâng cao năng lực y tế dự phòng, hệ thống y tế cơ sở bảo đảm phòng bệnh từ sớm, từ xa, từ cơ sở, sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng; ưu tiên xây dựng, đầu tư đồng bộ về nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị cho trạm y tế cấp xã theo mô hình sự nghiệp công lập đáp ứng cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, phần đầu người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần. Triển khai mô hình "Trạm y tế thông minh", đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong y tế hoàn thành việc xây dựng các cơ sở dữ liệu y tế bảo đảm tiêu chuẩn kết nối, chia sẻ và liên thông đồng bộ; vận hành hiệu quả sở sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử; kết nối đồng bộ, quản lý dữ liệu sức khỏe người dân theo vòng đời.

e) Giảm nghèo và an sinh xã hội

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội và cải thiện phúc lợi xã hội; quan tâm chăm lo đời sống của các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người lao động và các đối tượng yếu thế. Tổ chức tốt các hoạt động thăm hỏi, tặng quà đối với người có công và thân nhân, các hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo kịp thời, đúng tiến độ; tranh thủ phối hợp huy động các nguồn lực xã hội tham gia công tác giảm nghèo bền vững. Thực hiện hiệu quả các mục tiêu trong Chương trình hành động vì trẻ em, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chăm sóc trẻ em; đẩy mạnh xây dựng xã phù hợp với trẻ em, đảm bảo môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện; tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về bình đẳng giới đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện các điều kiện bảo đảm an sinh xã hội ở khu vực nông thôn; phát triển hệ thống cấp nước sạch tập trung quy mô nhỏ, phù hợp với điều kiện từng địa phương, từng bước kết nối với hệ thống cấp nước đô thị; thực hiện bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm

quyền phê duyệt; hỗ trợ cải thiện nhà ở theo hướng an toàn, kiên cố, thích ứng với biến đổi khí hậu, ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách; quản lý, vận hành, bảo trì hiệu quả các công trình phục vụ lợi ích cộng đồng sau đầu tư.

f) Phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở nông thôn

- Xây dựng và triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đồng bộ và hiện đại; phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số và công nghiệp văn hóa số; triển khai các nhiệm vụ theo Khung kiến trúc chính quyền số 4.0. Duy trì, phát huy hiệu quả các điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý, sản xuất và đời sống, nâng cao chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn.

- Triển khai chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và cơ quan, đơn vị, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm; trang bị kiến thức số cho mọi người dân, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, triển khai hiệu quả phong trào "Bình dân học vụ số"; khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao, nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế nông thôn và phát triển kinh tế - xã hội; phát triển và nhân rộng các mô hình "thôn thông minh".

g) Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn

- Phát triển hệ thống và hạ tầng kỹ thuật về thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn trên địa bàn đảm bảo theo quy định; khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường; xây dựng các khu xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt quy mô lớn, công nghệ hiện đại, thu hồi năng lượng (điện rác) và tái chế chất thải, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp; phát triển mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn quy mô thôn, khu dân cư, hộ gia đình. Đẩy mạnh và nhân rộng mô hình phân loại và xử lý rác thải hữu cơ tại nguồn²; tăng cường thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải, chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Kiểm soát tốt việc thực hiện các biện pháp thu gom, quản lý, xử lý chất thải trước khi xả thải ra môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản và làng nghề;

² Các mô hình: "Tổ nông dân tự quản thu gom và phân loại rác thải sinh hoạt/phụ phẩm nông nghiệp tại nguồn"; "Cánh đồng không rác thải nhựa".

tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh và kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; ký cam kết bảo vệ môi trường và thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn dịch bệnh đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản và làng nghề.

- Tập trung xây dựng, phát triển hệ thống và cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường khu vực nông thôn; đầu tư, cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn; khuyến khích phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cụm dân cư ứng dụng công nghệ phù hợp, thân thiện môi trường.

- Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm xanh - sạch - đẹp, thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng làm tiền đề cho phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh; trồng cây xanh, hoa, cây cảnh cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên; xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”.

- Kiểm soát, xử lý ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng như: khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và khu kinh doanh dịch vụ, khu chăn nuôi và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm (ao, hồ, kênh, mương, sông, ...) trong khu dân cư; kiên quyết xử lý dứt điểm các "điểm nóng" ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn; thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm; nâng cao ý thức, trách nhiệm tuân thủ pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm của tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm an toàn; đẩy mạnh kiểm soát điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm ngay từ khâu sản xuất ban đầu đến lưu thông thị trường; ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, kiểm soát và giám sát an toàn thực phẩm.

h) Xây dựng hệ thống chính trị và hành chính công

- Xây dựng chính quyền liêm chính, hành động, trách nhiệm, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực sự của dân, do dân, vì Nhân dân phục vụ; đẩy nhanh thực hiện xây dựng chính quyền số, đẩy mạnh cải cách hành chính đi đôi với chuyển đổi số. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính công hiện đại và phát triển nông thôn bền vững; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tăng cường công tác xây dựng

Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hàng năm phân đấu các đơn vị được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, minh bạch dựa trên nền tảng chính quyền số và đẩy mạnh cải cách hành chính; đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; chuyển mạnh sang phương thức "chủ động" phục vụ, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp; triển khai thực hiện mô hình "Chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp", "Chính quyền thân thiện vì Nhân dân phục vụ". Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, đảm bảo các thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt từ 90% trở lên.

i) Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng

- Nâng cao nhận thức, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho người dân; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, xây dựng nếp sống và hành vi ứng xử theo pháp luật trong cộng đồng dân cư nông thôn, giải quyết tốt các mâu thuẫn, tranh chấp ở khu vực nông thôn, tập trung, ưu tiên người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người yếu thế, người dân tại các xã.

- Bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm "bốn tại chỗ", không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiểm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; nâng cao chất lượng, hiệu quả Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự theo hướng xã hội hóa với nhiều hình thức tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải tại cộng đồng, đặc biệt xây dựng và nhân rộng mô hình "Camera an ninh gắn với bản đồ số địa bàn", kết nối dữ liệu về trung tâm điều hành thông minh của tỉnh để chủ động phòng ngừa, giám sát tội phạm. Hàng năm, kiểm chế, kéo giảm ít nhất 10% số vụ phạm tội về trật tự xã hội.

- Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hàng năm và chất lượng đề ra; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân hiện đại, thể trận an ninh nhân dân và thể trận lòng dân vững mạnh; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh, toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới.

k) Xây dựng xã nông thôn mới hiện đại

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030 đảm bảo thể hiện rõ 6 yêu cầu sau: (1) Bảo đảm hạ tầng số và sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo;

(2) Có mô hình nông nghiệp thông minh; phát triển toàn diện kinh tế văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (3) Bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn; (4) Môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; (5) Cảnh quan môi trường sáng-xanh-sạch-đẹp, an toàn; (6) An ninh, trật tự được đảm bảo; lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

- Tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại tại các xã đạt chuẩn nông thôn mới (theo chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030); xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

- Tập trung huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư hoàn thiện các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại; đảm bảo hoàn thành số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại theo các mục tiêu đề ra.

3. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

a) Hoàn thiện cơ chế, chính sách và ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện

- Rà soát các quy định, hướng dẫn của Trung ương về xây dựng nông thôn mới; tham mưu ban hành các văn bản của tỉnh để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Hoàn thiện quy định về phân công, phân cấp, cơ chế phối hợp và trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương trong tham mưu, hướng dẫn và tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Ban hành, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030; hướng dẫn cụ thể nội dung, trình tự và phương thức đánh giá, công nhận kết quả thực hiện, bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh.

b) Rà soát, đánh giá hiện trạng, xây dựng lộ trình và kế hoạch thực hiện của các xã.

- Rà soát, đánh giá hiện trạng xây dựng nông thôn mới tại các xã; xác định mức độ đạt các tiêu chí, những nội dung còn hạn chế và các yêu cầu cần tập trung hoàn thiện trong giai đoạn 2026-2030.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá, xác định mục tiêu phấn đấu và các nội dung cần tập trung hoàn thiện của từng xã, bảo đảm phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xây dựng lộ trình và kế hoạch thực hiện của từng xã; cụ thể hóa các nội dung cần hoàn thiện thành các nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và thứ tự ưu tiên; xác định nhu cầu nguồn lực, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương trong giai đoạn 2026-2030.

c) Tập trung nâng cao chất lượng các tiêu chí, triển khai các nội dung trọng tâm xây dựng nông thôn mới

- Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt; tập trung hoàn thiện các tiêu chí, nội dung chưa đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030.

- Ưu tiên triển khai các nội dung trọng tâm, có tính nền tảng, tạo động lực phát triển khu vực nông thôn, gồm: hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu; phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập, đời sống của người dân; bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp; xây dựng chính quyền số và phát triển khoa học – công nghệ; đảm bảo an ninh an toàn trên địa bàn nông thôn.

- Từng bước triển khai các nội dung xây dựng xã nông thôn mới hiện đại đối với các địa phương có điều kiện, phù hợp với định hướng phát triển và khả năng huy động nguồn lực của tỉnh.

d) Tập trung thực hiện giải ngân nguồn vốn Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 được kéo dài, chuyển sang năm 2026

- Rà soát, xác định cụ thể các nhiệm vụ, nội dung, dự án được bố trí nguồn vốn Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 được kéo dài, chuyển sang thực hiện trong năm 2026; xác định số vốn còn lại, khối lượng thực hiện và tiến độ hoàn thành của từng nhiệm vụ, nội dung, dự án.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục nghiệm thu, thanh toán, quyết toán đối với các nhiệm vụ, nội dung, dự án có khả năng hoàn thành; phân đấu giải ngân hết số vốn Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 được kéo dài, chuyển sang năm 2026 theo quy định.

- Rà soát, điều chỉnh, xử lý đối với số vốn không còn đối tượng, nhiệm vụ hoặc không có khả năng thực hiện, giải ngân theo quy định; tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, đảm bảo sử dụng hiệu quả và hoàn thành các nhiệm vụ được bố trí vốn theo quy định.

III. DỰ KIẾN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Dự kiến nguồn vốn giai đoạn 2026-2030

a) Tổng nguồn vốn giai đoạn 2026-2030 khoảng 41.795,88 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn thực hiện mục tiêu 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới khoảng 40.655,88 tỷ đồng.

- Nguồn vốn thực hiện mục tiêu trên 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại khoảng 1.140 tỷ đồng.

b) Cơ cấu tổng nguồn vốn giai đoạn 2026 – 2030, bao gồm:

- Vốn ngân sách trung ương: Khoảng 1.850,28 tỷ đồng (*chiếm 4,4%*), trong đó: Vốn đầu tư phát triển 1.325,4 tỷ đồng; kinh phí thường xuyên 524,88 tỷ đồng.

- Vốn ngân sách địa phương (tỉnh, xã): Khoảng 23.871,6 tỷ đồng (*chiếm 57,1%*), trong đó bố trí khoảng 855 tỷ đồng để thực hiện mục tiêu xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

- Vốn tín dụng: Khoảng 6.817,2 tỷ đồng (*chiếm 16,3%*).

- Vốn huy động khác: Khoảng 6.406,8 tỷ đồng (*chiếm 15,3%*).

- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác: Khoảng 2.850 tỷ đồng (*chiếm 6,8%*).

2. Dự kiến nguồn vốn năm 2026

Nguồn vốn thực hiện năm 2026 khoảng 3.593,87 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: Khoảng 189,87 tỷ đồng (*chiếm 5,3%*)
- Vốn ngân sách địa phương (tỉnh, xã): Khoảng 1.994 tỷ đồng (*chiếm 55,5%*)
- Vốn tín dụng: Khoảng 598 tỷ đồng (*chiếm 16,6%*).
- Vốn huy động khác: Khoảng 562 tỷ đồng (*chiếm 15,6%*).
- Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác: Khoảng 250 tỷ đồng (*chiếm 7%*).

(Chi tiết theo Phụ lục II)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện

- Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của các cấp ủy Đảng, phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị.

- Nâng cao vai trò điều hành, chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt của chính quyền các cấp; bảo đảm sự thống nhất từ tỉnh đến cơ sở trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện; kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Trung ương và của tỉnh thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với từng địa phương.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia (gọi chung là Ban Chỉ đạo) và bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn 2026 - 2030; tăng cường vai trò tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc của cơ quan thường trực trong tổ chức thực hiện. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ và chất lượng thực hiện; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, tiếp thu, xử lý kịp thời các kiến nghị của địa phương nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường phân cấp, trao quyền cho cấp xã và cộng đồng dân cư gắn với cơ chế giám sát, đánh giá minh bạch và trách nhiệm giải trình rõ ràng; đề cao tính chủ động, sáng tạo của cấp cơ sở, đồng thời bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân; nâng cao chất lượng các cuộc vận động, phong trào thi đua

- Tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định pháp luật, tài liệu hướng dẫn liên quan trong tổ chức, triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; các văn bản, hướng dẫn của các ban, bộ, ngành Trung ương; các văn bản của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh liên quan đến xây dựng nông thôn mới.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động gắn với đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động; kịp thời khen thưởng, động viên đối với tập thể, cá nhân, doanh nghiệp và các hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong công cuộc xây dựng nông thôn mới.

- Tuyên truyền, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cách làm hay và các mô hình sản xuất tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới; tuyên truyền về mức độ, hình thức hỗ trợ của Nhà nước và sự đóng góp của người dân, cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới, nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận, phát huy vai trò chủ thể của người dân theo phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng".

- Đa dạng hóa, đổi mới các hình thức tuyên truyền theo hướng thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng, bảo đảm thống nhất nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị và Nhân dân; kết hợp tuyên truyền thông qua hội nghị, sinh hoạt cộng đồng, phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh cơ sở, văn hóa – văn nghệ, tổ chức các hội thi, cuộc thi; tổ chức đối thoại, trao đổi, phổ biến chính sách về xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số và các phương thức truyền thông hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận thông tin, phát huy vai trò chủ thể của người dân, tạo sự đồng thuận xã hội và huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Bồi dưỡng, tập huấn về xây dựng nông thôn mới

Tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp xã, thôn và lực lượng tham gia trực tiếp triển khai tại cơ sở. Đổi mới nội dung, phương thức tập huấn theo hướng thiết thực, chuyên sâu, gắn với yêu cầu thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; tổ chức tham quan, học tập và trao đổi kinh nghiệm tại các địa phương tiêu biểu, có cách làm hay, sáng tạo, đạt hiệu quả cao trong xây dựng nông thôn mới.

4. Xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù

- Phân loại các nhóm xã theo quy định³ đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển đô thị của tỉnh; xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách phù hợp đối với từng nhóm xã, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực và đáp ứng yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế riêng dành cho các địa phương đăng ký phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại, góp phần hoàn thành mục tiêu đến hết năm 2030 có 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

- Xây dựng chính sách khuyến khích thu hút các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn đầu tư vào hạ tầng dịch vụ nông thôn, trung tâm logistics kết nối liên

³ Quyết định 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030

vùng, nhà máy chế biến sâu nông sản; có chính sách khuyến khích, hỗ trợ liên kết giữa hộ nông dân với doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, trọng tâm là các hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Có cơ chế động viên, khen thưởng các xã hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại.

5. Huy động nguồn lực

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn; ngân sách Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội hóa để xây dựng nông thôn mới; thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn lực, đảm bảo phát huy hiệu quả, tạo sự tin tưởng, đồng thuận của người dân.

- Trên cơ sở nguồn vốn ngân sách Nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, các địa phương chủ động bố trí vốn đối ứng theo quy định để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; đảm bảo không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản. Khuyến khích các địa phương có điều kiện kinh tế phát triển hỗ trợ cho các địa phương khó khăn hơn đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Lồng ghép hiệu quả các chương trình, dự án và các nguồn vốn trên địa bàn, bao gồm vốn ngân sách Nhà nước, vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án liên quan và các nguồn vốn hợp pháp khác; đảm bảo phân bổ, sử dụng nguồn lực tập trung, tiết kiệm, hiệu quả, qua đó tăng cường kinh phí đầu tư và nâng cao hiệu quả thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường huy động và tạo điều kiện xã hội hóa thuận lợi để các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư, xây dựng các công trình nông nghiệp, nông thôn như: công trình hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, công trình cấp nước sạch, chợ nông thôn, công trình thu gom, xử lý rác thải...; đẩy nhanh xây dựng cơ sở hạ tầng có kết cấu đồng bộ, hiện đại, đảm bảo phục vụ phát triển kinh tế nông thôn, an sinh xã hội tại địa phương, gắn với quá trình đô thị hóa của tỉnh.

- Tiếp tục vận động, huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư, nguồn tài trợ từ doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, con em xa quê đóng góp, tham gia chung tay xây dựng nông thôn mới; đa dạng các nguồn lực đóng góp như: hiến đất, góp tiền, ngày công lao động, ...trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với đặc điểm tình hình của từng địa phương. Khuyến khích huy động sự tham gia, đóng góp của người dân, cộng đồng trong quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng và nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình sau đầu tư.

6. Hoạt động giám sát, đánh giá

Tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị; định kỳ kiểm tra tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới, chủ động đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới tại các địa phương. Tiếp tục phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức

chính trị - xã hội tỉnh trong công tác tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội và lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân trong thực hiện xây dựng nông thôn mới; huy động sự tham gia tích cực của người dân, cộng đồng dân cư và doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận xã hội trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp chỉ đạo, điều hành nhằm bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

- Phân công các thành viên Ban Chỉ đạo theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương được phân công phụ trách trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy tiến độ và nâng cao chất lượng thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; đồng thời chỉ đạo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch; thực hiện rà soát, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung của Kế hoạch đã đề ra; đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ và các nội dung liên quan để triển khai Kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới qua các năm.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch đảm bảo tiến độ, mục tiêu đề ra; tổ chức thẩm định, trình công nhận và công bố các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã và các đơn vị có liên quan tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định phân loại nhóm xã, Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030 đảm bảo phù hợp với từng nhóm xã; nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ, khen thưởng cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại.

- Tổng hợp nhu cầu nguồn vốn từ các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới; đề xuất phân bổ nguồn lực cho các đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới để đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổng hợp mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát, chủ yếu và các nội dung liên quan thực

hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; tham mưu thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo và bộ phận giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; tổng hợp, trình phương án phân bổ nguồn vốn để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về cơ chế huy động, lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá quá trình giải ngân nguồn vốn cho xây dựng nông thôn mới của các cơ quan, đơn vị, địa phương; theo dõi, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh và các bộ, ngành Trung ương kết quả giải ngân nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện xây dựng nông thôn mới theo thẩm quyền.

4. Các sở, ban, ngành liên quan

- Các sở, ban, ngành liên quan: Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch; hàng năm, xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới thuộc lĩnh vực được giao phụ trách; chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về những vấn đề liên quan thuộc lĩnh vực quản lý của ngành mình, giải quyết các vướng mắc để thực hiện Kế hoạch có hiệu quả; thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả những nội dung thuộc sở, ngành quản lý và theo dõi, định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh và các bộ, ngành liên quan.

- Ngân hàng Nhà nước khu vực 12 tỉnh Hưng Yên: Chỉ đạo các tổ chức tín dụng khai thác nguồn vốn, hướng dẫn quy trình thủ tục vay vốn và thống kê nguồn lực tín dụng tạo điều kiện cho các hộ dân, cơ sở sản xuất kinh doanh vay vốn để phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới.

- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Hưng Yên: Tiếp tục phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách để hỗ trợ phát triển sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân; đảm bảo việc hỗ trợ gắn với nhu cầu thực tế, khả năng hoàn trả và hiệu quả sản xuất.

- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh và các cơ quan truyền thông đóng trên địa bàn tỉnh: Tập trung tuyên truyền chủ trương, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước; các kế hoạch, văn bản triển khai tổ chức thực hiện và kết quả xây dựng nông thôn mới.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy tinh thần đoàn kết và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; phát huy vai trò giám sát, phản

biện xã hội về xây dựng nông thôn mới và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục phát động và tổ chức triển khai hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; xây dựng, nhân rộng mô hình “Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc”; Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự”, “5 cùng”; Đề án “Hỗ trợ Phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035”, cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”; Chương trình “Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2026-2030”; đề án “Trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới”.

- Hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã phối hợp chặt chẽ với chính quyền cùng cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng và tăng cường tuyên truyền theo từng chủ đề, nhóm tiêu chí, những cách làm hay, mô hình hiệu quả và các gương điển hình.

6. Ủy ban nhân dân xã

- Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã theo quy định; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ chức và cá nhân phụ trách, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc tổ chức thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo phương châm “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ kết quả”.

- Căn cứ vào kế hoạch, mục tiêu của tỉnh về thực hiện xây dựng nông thôn mới và điều kiện thực tế của xã chủ động ban hành kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã giai đoạn 2026-2030 và hằng năm; hoàn thiện hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức, phối hợp thực hiện nội dung, nhiệm vụ trên phạm vi địa bàn quản lý.

- Hằng năm, chủ động cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách xã để thực hiện các nội dung, tiêu chí xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân tham gia, đóng góp xây dựng nông thôn mới trên tinh thần tự nguyện, phù hợp khả năng của người dân, không huy động quá sức dân. Tập trung nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, tăng cường chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn các chương trình dự án có cùng nội dung, nhiệm vụ để thực hiện Kế hoạch trên địa bàn, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung giữa các chương trình, dự án, phân đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra; đồng thời quản lý chặt chẽ đầu tư xây dựng, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong quá trình thực hiện.

- Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới; thực hiện quy trình lập hồ sơ đánh giá, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới hoặc nông thôn mới hiện đại khi đủ điều kiện.

Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện có những nội dung phát sinh, cần điều chỉnh các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phù hợp thực hiện./. *Ubuon*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Lưu: VT, KT2^(T.Tuân) *Ubuon*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Văn Hoàn

Phụ lục I
MỤC TIÊU PHẦN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI, NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI
GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Trên cơ sở Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc tán thành chủ trương thành lập 36 phường trên cơ sở 36 xã; Kế hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên xác định mục tiêu phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới hiện đại đối với 57 xã còn lại như sau:

STT	Năm	Xã nông thôn mới			Xã nông thôn mới hiện đại		
		<i>Cụ thể các năm</i>	<i>Lũy kế</i>	<i>Tỷ lệ xã đạt</i>	<i>Cụ thể các năm</i>	<i>Lũy kế</i>	<i>Tỷ lệ xã đạt</i>
1	2026	5	5	8,8%	-	-	-
2	2027	13	18	31,6%	1	1	1,8%
3	2028	17	35	61,4%	4	5	8,8%
4	2029	15	50	87,7%	4	9	15,8%
5	2030	7	57	100%	3	12	21,1%

Phụ lục II: DỰ KIẾN NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2026-2030 (THEO TỪNG NĂM)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Nguồn vốn	Năm					Tổng
		2026	2027	2028	2029	2030	
1	Ngân sách Trung ương	189,87	421,98	551,82	486,90	199,71	1.850,28
2	Ngân sách tỉnh, xã	1.994,0	5.279,4	7.159,6	6.362	3.076,6	23.871,6
	(Trong đó vốn dành cho xã nông thôn mới hiện đại	-	95	380	380	285	1.140,0
3	Vốn tín dụng	598	1.554,8	2.033,2	1.794	837,2	6.817,2
4	Vốn huy động khác	562	1.461,2	1.910,8	1.686	786,8	6.406,8
5	Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác	250	650	850	750	350	2.850
Tổng		3.593,87	9.367,38	12.505,44	11.078,90	5.250,31	41.795,88

Phụ lục III: NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Hưng Yên)

STT	Nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã và đơn vị liên quan	Năm 2026
2	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phân nhóm các xã thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã và đơn vị liên quan	Năm 2026
3	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030 và năm 2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã	Năm 2026
4	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh phát triển sản phẩm OCOP tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã	Năm 2026
5	Kế hoạch truyền thông về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã và các đơn vị liên quan	Năm 2026
6	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Tài Chính	Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	Năm 2026
7	Tổng hợp nhu cầu nguồn vốn từ các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới và đề xuất phân bổ nguồn lực cho các đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã và các đơn vị có liên quan	Năm 2026
8	Tổng hợp, trình phương án phân bổ nguồn vốn để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã và các đơn vị có liên quan	Năm 2026

STT	Nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
9	Xây dựng các quy định về cơ chế huy động, lồng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án và nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện xây dựng nông thôn mới	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các xã	Năm 2026
10	Kế hoạch thực hiện phong trào thi đua do Thủ tướng phát động liên quan đến xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã	Năm 2026
11	Vấn bản hướng dẫn thực hiện các nội dung tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Các sở, ngành tỉnh phụ trách tiêu chí	UBND các xã và đơn vị liên quan	Năm 2026
12	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn giai đoạn 2026-2030 cấp xã; Ban phát triển thôn theo quy định.	Ủy ban nhân dân các xã	Các đơn vị có liên quan	Năm 2026
13	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể một số điều kiện đối với tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã	Năm 2027
14	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã	Năm 2027
15	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã	Năm 2027
16	Báo cáo sơ kết (3 năm) xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã	Năm 2028
17	Báo cáo kết quả quyết toán nguồn vốn sử dụng, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các xã	Năm 2030

STT	Nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
18	Báo cáo tổng kết phong trào thi đua do Thủ tướng phát động liên quan đến xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành và UBND các xã	Năm 2030
19	Báo cáo tổng kết xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các xã	Năm 2030
20	Tổng hợp nhu cầu nguồn vốn từ các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới và đề xuất phân bổ nguồn lực cho các đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới hàng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, các sở, ban, ngành liên quan và UBND các xã	Quý IV năm thực hiện hoặc quý I năm kế hoạch
21	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách Trung ương, kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước thực hiện xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ, các sở, ngành có liên quan, các xã	Quý IV năm thực hiện hoặc quý I năm kế hoạch
22	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước thực hiện xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành và UBND các xã	Quý IV năm thực hiện hoặc quý I năm kế hoạch
23	Quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên hằng năm	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành và UBND các xã	Quý IV năm thực hiện hoặc quý I năm kế hoạch
24	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên hằng năm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, các xã	Quý I hằng năm
25	Báo cáo kết quả thực hiện kết quả phân bổ, sử dụng, ngân sách nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện xây dựng nông thôn mới	Sở Tài chính	Các sở, ngành có liên quan, các xã	Quý IV hằng năm

STT	Nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện, sản phẩm cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
26	Xét, công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã	Hàng năm
27	Xét, đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã	Hàng năm
28	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng về xây dựng nông thôn mới đối với các đối tượng liên quan	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã và đơn vị có liên quan	Hàng năm
29	Tuyên truyền xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã và đơn vị có liên quan	Hàng năm

